

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI**

Số: /UBND-VX
V/v hướng dẫn đánh giá, xếp loại
Cộng đồng học tập cấp xã
năm 2023

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

TP. Quảng Ngãi, ngày tháng năm 2024

Kính gửi: UBND các xã, phường: Nghĩa Chánh; Nguyễn
Nghiêm; Nghĩa Lộ; Nghĩa Phú; Tịnh An; Tịnh
Thiện; Nghĩa Hà; Tịnh Ấn Đông.

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo
dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập”
cấp xã; Thực hiện Công văn số 1967-CV/TU ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ
Thành ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày
10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác khuyến học, khuyến tài,
xây dựng xã hội học tập; Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 31/12/2021 của
UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học
tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi; Chủ tịch UBND
thành phố chỉ đạo:

1. UBND các xã, phường tổ chức tự đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập
cấp xã, phường năm 2023 và lập hồ sơ đề nghị UBND thành phố Quảng Ngãi
kiểm tra, công nhận.

2. Tiêu chí, quy trình, hồ sơ đánh giá, xếp loại Cộng đồng học tập cấp xã
thực hiện theo quy định tại Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT ngày 12/12/2014
của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3. Hồ sơ đề nghị kiểm tra, công nhận gửi về UBND thành phố (qua Hội
Khuyến học thành phố) trước ngày **31/01/2024**, gồm:

- Tờ trình đề nghị của đơn vị;
- Báo cáo kết quả xây dựng và chấm điểm “Cộng đồng học tập” của xã
năm 2023, kèm theo Biên bản tự kiểm tra đánh giá, chấm điểm, xếp loại “Cộng
đồng học tập” xã, phường năm 2023 và các minh chứng phù hợp với từng tiêu
chí.

(theo đề cương báo cáo và biểu mẫu đính kèm)

Đề nghị UBND các xã, phường triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- CT, PCT(VX) UBND TP;
- HKH TP;
- PGD&ĐT TP;
- CVP, PCVP, CV(VX);
- Lưu: VT, PGDĐT(LTTâm).

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Anh

ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (PHƯỜNG)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:/BC-UBND

....., ngày tháng năm

**ĐỀ CƯƠNG BÁO CÁO
KẾT QUẢ XÂY DỰNG VÀ CHẤM ĐIỂM
“CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ NĂM**

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã, phường;

Căn cứ Công văn số 1967-CV/TU ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và Công văn số 4394/UBND-VX ngày 19/10/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện quy định về đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập trên địa bàn thành phố, UBND xã (phường) báo cáo kết quả xây dựng và chấm điểm “Cộng đồng học tập” của xã năm như sau:

I. Kết quả thực hiện 15 tiêu chí cụ thể

1. Tiêu chí 1: Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

2. Tiêu chí 2: Hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

3. Tiêu chí 3: Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

4. Tiêu chí 4: Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

5. Tiêu chí 5: Kết quả phổ cập giáo dục – xóa mù chữ

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

6. Tiêu chí 6: Công bằng xã hội trong giáo dục

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

7. Tiêu chí 7: Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

8. Tiêu chí 8: Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 18 tuổi trở lên)

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

9. Tiêu chí 9: Kết quả xây dựng “Gia đình học tập”; “Cộng đồng học tập” thôn, tổ dân phố hoặc tương đương

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

10. Tiêu chí 10: Kết quả xây dựng thôn, tổ dân phố hoặc tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa”

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

11. Tiêu chí 11: Giảm tỷ lệ hộ nghèo

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

12. Tiêu chí 12: Thực hiện bình đẳng giới

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

13. Tiêu chí 13: Đảm bảo vệ sinh, môi trường

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

14. Tiêu chí 14: Chăm sóc sức khỏe cộng đồng

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

15. Tiêu chí 15: Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội

- Kết quả đạt được:
- Tồn tại cần khắc phục:
- Số điểm đạt được:.....

Tổng số điểm đạt được năm là:/100 điểm.

Xếp loại:

II. TỰ ĐÁNH GIÁ

1. Đánh giá chung
2. Những tiêu chí, chỉ tiêu chưa đạt được hoặc còn hạn chế. Nguyên nhân
3. Nguyên nhân/khó khăn

III. PHƯƠNG HƯỚNG NĂM

1. Nhiệm vụ trọng tâm:
 - Tiêu chí, chỉ tiêu nào tiếp tục duy trì
 - Tiêu chí, chỉ tiêu nào cần tập trung chỉ đạo trong năm
2. Các giải pháp cơ bản
3. Những đề xuất, kiến nghị

Nơi nhận:

- UBND TP (qua HKH TP);
- TT Đảng ủy, HĐND xã (phường);
- Các tổ chức, đoàn thể xã, (phường).
- Lưu VP.

CHỦ TỊCH
(Ký tên, đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

BIÊN BẢN
TỰ KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ, CHẤM ĐIỂM, XẾP LOẠI
“CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” XÃ..... NĂM

Thực hiện Quyết định số/QĐ-UBND ngày .../.../.... của UBND xã về việc thành lập đoàn tự kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã;

Từ ngày ... đến ngày Đoàn kiểm tra đã tiến hành tự kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại “Cộng đồng học tập” tại đơn vị, cụ thể như sau:

I. THÀNH PHẦN

1. Thành phần Đoàn kiểm tra gồm:

- Ông (bà)..... Chức vụ:..... Trưởng đoàn
- Ông (bà)..... Chức vụ:..... Thư ký

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA

Sau khi tự kiểm tra hồ sơ, rà soát các tiêu chí và các minh chứng kèm theo, đoàn kiểm tra đã thống nhất cho điểm như sau:

Tiêu chí	Số điểm đạt được	Ghi chú
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã (8 điểm)		
2. Hoạt động của ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập cấp xã (8 điểm)		
3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm)		
4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm)		
5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ (14 điểm)		
6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm)		
7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm)		
8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm)		
9. Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”, “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố		

và tương đương” (7 điểm)		
10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm)		
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm)		
12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm)		
13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm)		
14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm)		
15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm)		
Tổng cộng:		

(Kèm theo các phiếu kiểm tra, đánh giá theo từng tiêu chí)

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm:

2. Tồn tại:

3. Kết luận chung về kết quả kiểm tra:

3.1. Số tiêu chí đạt (tiêu chí nào)

3.2. Số tiêu chí chưa đạt chuẩn (tiêu chí nào?).....

Số điểm đạt được:/100 điểm. Xếp loại:

IV. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

Căn cứ vào kết quả tự kiểm tra, đánh giá, xếp loại, Đoàn kiểm tra đề nghị UBND xã (phường) báo cáo và đề nghị UBND thành phố kiểm tra công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” của xã (phường) năm 20.....

Biên bản được thông qua vào lúcgiờ ngày và được các thành viên tham gia nhất trí.

TM. ĐƠN VỊ ĐƯỢC KIỂM TRA

(Kí tên, đóng dấu)

TRƯỞNG ĐOÀN KIỂM TRA

(Kí tên, đóng dấu)

PHIẾU TỰ ĐÁNH GIÁ, CHO ĐIỂM
“CỘNG ĐỒNG HỌC TẬP” CẤP XÃ

(Kèm theo Biên bản tự đánh giá ngày tháng năm 202.....)

TIÊU CHÍ	Mức điểm theo yêu cầu	Điểm đạt được	CÁC MINH CHỨNG
1. Sự lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng và chính quyền cấp xã (8 điểm) (Kiểm tra: Ban chỉ đạo XHHT)			
1.1. Cấp ủy Đảng, chính quyền có Nghị quyết/Chỉ thị/Quyết định về xây dựng xã hội học tập và thành lập ban chỉ đạo xây dựng xã hội học tập (XD XHHT)	2		Nghị quyết, chương trình hành động hoặc kế hoạch thực hiện của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã. Quyết định thành lập hoặc kiện toàn BCD, quy chế hoạt động của BCD, quyết định phân công nhiệm vụ cho các thành viên của trường BCD.
1.2. Nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" được đưa vào kế hoạch phát triển kinh tế-xã hội hằng năm của HĐND, UBND	2		Chương trình công tác của cấp ủy Đảng, kế hoạch phát triển KT-XH của UBND trình HĐND qua các kỳ họp hằng năm đã đưa chỉ tiêu, nhiệm vụ xây dựng "Cộng đồng học tập" vào các văn bản trên
1.3. Hằng năm có dành kinh phí từ ngân sách của xã để hỗ trợ các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn (ngoài kinh phí hỗ trợ của nhà nước theo Quyết định 89)	2		Báo cáo tài chính của cấp xã (phần kinh phí chi các hoạt động tuyên truyền, giáo dục cho người lớn). Kế hoạch huy động các nguồn lực của địa phương để hỗ trợ XD "Cộng đồng học tập"
1.4. Cấp ủy Đảng, chính quyền thường xuyên chỉ đạo, giám sát tiến độ và kết quả xây dựng XHHT	2		Bên bản kiểm tra hằng tháng, hằng quý
2. Hoạt động của ban chỉ đạo (BCĐ) xây dựng xã hội học tập cấp xã (8 điểm) (Kiểm tra: Ban chỉ đạo XHHT)			
2.1. BCĐ xây dựng được kế hoạch phù hợp với nhu cầu học tập của người dân và thực tế của địa phương	2		Kế hoạch hoạt động năm, quý, tháng của ban chỉ đạo XD XHHT
2.2. BCĐ thường xuyên giám sát, đánh giá, tổ chức sơ kết, tổng kết rút kinh nghiệm, khen thưởng kịp thời	2		Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm của ban chỉ đạo. Quyết định khen thưởng tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong công tác xây dựng XHHT
2.3. Các thành viên trong BCĐ được phân công cụ thể và hoạt động thường xuyên và hiệu quả	2		Văn bản phân công công việc cho các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức và các thành viên ban chỉ đạo XD XHHT của trường ban chỉ đạo XD XHHT cấp xã
2.4. Công tác tuyên truyền, vận động nâng cao nhận thức về học tập suốt đời, XD XHHT, XD "Cộng đồng học tập" được triển khai thường xuyên và có hiệu	2		Các văn bản chỉ đạo hoặc kế hoạch triển khai của cấp ủy Đảng, chính quyền cấp xã quán triệt các chủ trương của Đảng, Nhà nước và của ban thường vụ tỉnh ủy, UBND tỉnh về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân

quả			dân. Báo kết quả tổ chức tuyên truyền, các hình thức tuyên truyền và thống kê số người, đối tượng được tuyên truyền. Đánh giá kết quả, tác động của công tác tuyên truyền về XHHT đến cán bộ, đảng viên, nhân dân. Các bài viết tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh của cấp xã
3. Sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trên địa bàn cấp xã (8 điểm) (Kiểm tra: Phòng NV)			
3.1. Có cơ chế phối hợp giữa ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT, trong đó Hội KH giữ vai trò nòng cốt	2		Các chương trình phối hợp đã ký kết hoặc văn bản phân công công việc của ban chỉ đạo
3.2. Nhiệm vụ tổ chức học tập suốt đời (HTSD) cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động, người dân ở địa phương được đưa vào kế hoạch công tác hằng năm của các ban ngành, đoàn thể, tổ chức, doanh nghiệp	2		Kế hoạch hoạt động hằng năm của ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức về XD XHHT và kết quả thực hiện kế hoạch
3.3. Có sự lãnh đạo, chỉ đạo, giám sát chặt chẽ, thường xuyên của cấp ủy Đảng, HĐND và chính quyền địa phương đối với sự tham gia, phối hợp của các ban ngành, đoàn thể, các tổ chức trong xây dựng XHHT. Hằng năm, tổ chức hội nghị liên tịch	2		Các Nghị quyết, văn bản chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền hoặc các văn bản phối hợp của các đoàn thể; phê duyệt kế hoạch hoạt động hằng năm của chủ tịch UBND cấp xã
3.4. Có sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm hằng năm về sự phối kết hợp	2		Báo cáo sơ kết, tổng kết hằng năm về sự phối kết hợp
4. Mạng lưới và hoạt động của các cơ sở giáo dục, các thiết chế văn hóa trên địa bàn cấp xã (15 điểm) (Kiểm tra: Phòng Giáo dục và Đào tạo)			
4.1. Có đủ các trường MN/MG/NT/NT/ lớp MG độc lập đáp ứng nhu cầu học của trẻ theo quy định của Điều lệ trường MN	2		Căn cứ vào Điều lệ trường MN, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu các trường MN/MG/NT/NT/ lớp MG độc lập thì cho 1 điểm
4.2. Có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu có ít nhất một trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.3. Có đủ trường TH/lớp TH trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục tiểu học đáp ứng nhu cầu của học sinh theo quy định của Điều lệ trường TH	2		Căn cứ vào Điều lệ trường TH, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường TH /lớp TH trong các trường phổ thông nhiều cấp học/trường chuyên biệt/cơ sở giáo dục khác thực hiện chương trình giáo dục TH thì cho 1 điểm
4.4. Có ít nhất một trường TH đạt chuẩn quốc gia mức độ 2	2		Quyết định công nhận trường TH đạt chuẩn quốc gia mức độ 2 của UBND tỉnh, TP. Nếu

			có ít nhất một trường TH đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 thì cho 1 điểm
4.5. Có đủ trường THCS/TPT có nhiều cấp học đáp ứng nhu cầu học của học sinh theo Điều lệ trường THCS	2		Căn cứ vào Điều lệ trường THCS, kết hợp với báo cáo của xã và xem xét thực tế. Nếu có nhưng còn thiếu trường THCS/TPT có nhiều cấp học thì cho 1 điểm
4.6. Có ít nhất một trường THCS đạt chuẩn quốc gia	2		Quyết định công nhận trường THCS đạt chuẩn quốc gia của UBND tỉnh, TP
4.7. Trung tâm học tập cộng đồng hoặc trung tâm văn hóa, thể thao-học tập cộng đồng hoạt động hiệu quả được xếp loại tốt	3		Quyết định công nhận xếp loại TTHTCĐ của PGD&ĐT (được đánh giá và xếp loại theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và của địa phương). Nếu xếp loại khá 2 điểm, xếp loại trung bình 1 điểm
5. Kết quả phổ cập giáo dục- xóa mù chữ (14 điểm) (Kiểm tra: Phòng Giáo dục và Đào tạo)			
5.1. Tỷ lệ trẻ dưới 3 tuổi đến nhà trẻ, nhóm trẻ đạt 40% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 3 tuổi đang được nuôi dạy ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.2. Tỷ lệ trẻ 3-5 tuổi đến lớp mẫu giáo đạt 85% trở lên	2		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ 3- 5 tuổi ở trường mầm non và danh sách trẻ trong độ tuổi tương ứng để tính tỷ lệ ra lớp
5.3. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi của UBND huyện
5.4. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn PCGD TH mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn PCGD TH mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn PCGD TH mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.5. Đạt chuẩn phổ cập giáo dục THCS mức độ 3	3		Quyết định công nhận đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 3 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 2 thì cho 2 điểm, đạt chuẩn PCGD THCS mức độ 1 thì cho 1 điểm
5.6. Đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2	2		Quyết định công nhận đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 2 của UBND huyện. Nếu đạt chuẩn xóa mù chữ mức độ 1 thì cho 1 điểm
6. Công bằng xã hội trong giáo dục (6 điểm) (Kiểm tra: Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Phòng LĐ-TB&XH)			
6.1. Có chính sách cụ thể hỗ trợ trẻ em bị thiệt thòi, có hoàn cảnh khó khăn được đến trường, lớp (trẻ em nghèo, trẻ em gái, dân tộc, trẻ khuyết tật ...)	2		Quyết định của UBND cấp xã về việc huy động, sử dụng nguồn lực để trợ giúp trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn được đến trường (hỗ trợ học bổng cho học sinh nghèo; cấp xe lăn cho trẻ em khuyết tật; cấp xe đạp cho trẻ em nghèo tại những vùng khó khăn; hỗ trợ đỡ đầu trẻ em mồ côi; khám chữa bệnh miễn phí cho trẻ dưới 6 tuổi...)
6.2. Tích cực huy động trẻ em	2		Danh sách trẻ khuyết tật ở địa phương và

khuyết tật ra trường, lớp tham gia học tập hòa nhập			danh sách trẻ khuyết tật ra lớp hằng năm (căn cứ số điều tra với sổ phổ cập GDMN, GDTH và GDTHCS)
6.3. Có các hình thức tổ chức cho trẻ em khuyết tật học tập	2		Các hình thức tổ chức cụ thể
7. Kết quả học tập, bồi dưỡng thường xuyên của cán bộ, công chức cấp xã (6 điểm) (Kiểm tra: Phòng NV)			
7.1. Tỷ lệ cán bộ cấp xã có trình độ chuyên môn theo chuẩn quy định đạt 95% trở lên (vùng khó khăn: 85% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã có ghi chức vụ (hoặc vị trí công tác), trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, chính trị, quản lý nhà nước, tin học...đã được đào tạo đến thời điểm đánh giá
7.2. Tỷ lệ cán bộ cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc đạt 100% (vùng khó khăn: 90% trở lên)	2		Danh sách cán bộ của cấp xã được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, điều hành theo vị trí công việc
7.3. Tỷ lệ công chức cấp xã thực hiện chế độ bồi dưỡng bắt buộc tối thiểu hàng năm đạt 85% trở lên (vùng khó khăn: 75% trở lên)	2		Danh sách công chức cấp xã được bồi dưỡng từng năm của 3 năm gần nhất (chuyên đề gì?, thời gian bồi dưỡng, do cơ quan, cơ sở đào tạo nào mở...)
8. Kết quả học tập thường xuyên của người lao động (từ 15 tuổi trở lên) (4 điểm) (Kiểm tra: Phòng LĐ – TB&XH)			
Tỷ lệ lao động nông thôn tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại trung tâm học tập cộng đồng đạt 70% trở lên	4		Thống kê lập danh sách lao động nông thôn của địa phương và danh sách học viên của các lớp đã mở. Tỷ lệ tham gia học tập cập nhật kiến thức, kỹ năng chuyên giao khoa học kỹ thuật công nghệ sản xuất tại TTHTCD đạt từ 60-69% 3 điểm; đạt từ 50-59% 2 điểm; dưới 50% 1 điểm
9. Kết quả xây dựng “Gia đình hiếu học”, “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương” (7 điểm) (Kiểm tra: Hội Khuyến học)			
9.1. Tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt 70% trở lên (vùng khó khăn: 60% trở lên)	3		Số hộ gia đình trong cấp xã; số hộ gia đình được hội khuyến học công nhận “Gia đình hiếu học”. Nếu tỷ lệ hộ gia đình đạt danh hiệu “Gia đình hiếu học” đạt từ 60-69% (vùng khó khăn: 50-59%) 2 điểm; đạt từ 50-59% (vùng khó khăn: 40-49%) 1 điểm
9.2. Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt 60% trở lên (vùng khó khăn: 50% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp xã công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu “Cộng đồng khuyến học/Cộng đồng học tập” đạt từ 50-59% 3 điểm; đạt từ 40-49% 2 điểm; đạt dưới 40% 1 điểm
10. Kết quả xây dựng thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu "Khu dân cư văn hóa" (4 điểm) (Kiểm tra: Phòng VH & TT)			

Tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương được công nhận danh hiệu “Khu dân cư văn hóa” đạt 80% trở lên (vùng khó khăn: 70% trở lên)	4		Danh sách thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương của cấp xã; các quyết định của chủ tịch UBND cấp huyện công nhận thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương đạt danh hiệu " Khu dân cư văn hóa". Nếu tỷ lệ thôn, ấp, bản, tổ dân phố đạt danh hiệu từ 70-79% 3 điểm; từ 60-69% 2 điểm; dưới 70% 1 điểm
11. Giảm tỷ lệ hộ nghèo (3 điểm) (Kiểm tra: Phòng LĐ – TB&XH)			
Tỷ lệ hộ nghèo có giảm theo hằng năm	3		Báo cáo kinh tế - xã hội của UBND xã trước kỳ họp HĐND cuối năm hoặc 6 tháng đầu năm và kết quả điều tra hộ nghèo. Nếu địa phương không có hộ nghèo thì cho điểm tối đa (3 điểm)
12. Thực hiện bình đẳng giới (6 điểm) (Kiểm tra: Hội LH Phụ nữ)			
12.1. Bảo đảm 80% trở lên các cấp lãnh đạo của chính quyền, tổ chức, đoàn thể xã có nữ tham gia quản lý	1		Danh sách lãnh đạo UBND cấp xã. Danh sách cán bộ nữ làm công tác quản lý ở UBND cấp xã
12.2. Giảm bạo lực gia đình đối với phụ nữ dưới mọi hình thức	1		Báo cáo của hội phụ nữ cấp xã
12.3. Bảo đảm bình đẳng về cơ hội học tập đối với trẻ em	2		Danh sách trẻ em trai và gái trong độ tuổi đi học
12.4. Bảo đảm tỷ lệ cân bằng giữa nam - nữ trong tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCĐ	2		Thống kê, báo cáo của TTHTCĐ cấp xã (danh sách nam, nữ tham gia các hoạt động xã hội và tham gia học tập tại TTHTCĐ)
13. Đảm bảo vệ sinh, môi trường (4 điểm) (Kiểm tra: Phòng TN và MT)			
13.1. Môi trường, cảnh quan trên địa bàn xã đảm bảo xanh-sạch-đẹp	1		Có nhiều cây xanh, thường xuyên được chăm sóc và bổ sung. Đường đi lối lại trong thôn, ấp, bản, tổ dân phố và tương đương, trụ sở UBND xã, khuôn viên các nhà trường, ... luôn giữ sạch sẽ, đảm bảo yêu cầu cảnh quan sư phạm. Mọi người được giáo dục cách sống khỏe mạnh và có sự hỗ trợ về y tế, về tâm lý
13.2. Tỷ lệ hộ gia đình được sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh theo quy chuẩn quốc gia đạt 85% trở lên. (Vùng KK: 75% trở lên)	1		Có hệ thống cấp nước sạch, hệ thống thoát nước cho tất cả các khu vực theo quy định về vệ sinh môi trường
13.3. Chất thải, nước thải gia đình và cơ quan, xí nghiệp được thu gom và xử lý theo quy định	1		Trong mỗi thôn (tổ dân phố) đều có tổ dọn vệ sinh, khai thông cống rãnh, phát quang dọn cỏ ở đường thu gom rác thải để xử lý
13.4. Không có cơ sở sản xuất kinh doanh hoạt động gây ô	1		Các cơ sở sản xuất kinh doanh đạt tiêu chuẩn môi trường nếu trong quá trình sản

nhiễm môi trường			xuất, chế biến có xả nước thải, chất thải rắn, mùi, khói bụi, tiếng ồn nằm trong giới hạn cho phép theo quy định
14. Chăm sóc sức khỏe cộng đồng (4 điểm) (Kiểm tra: Trung tâm Y tế)			
14.1. Vệ sinh, an toàn thực phẩm được đảm bảo	1		Không có người dân bị ngộ độc thực phẩm
14.2. Các dịch bệnh được khống chế hiệu quả	1		Không có các dịch bệnh hoặc nếu có đã được khống chế, xử lý hiệu quả
14.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi còn 23% trở xuống	1		Sổ danh bạ ghi danh sách trẻ dưới 5 tuổi và danh sách trẻ dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi.
14.4. Bảo đảm 100% trẻ em được tiêm chủng đầy đủ	1		Danh sách trẻ em trong độ tuổi tiêm chủng và danh sách trẻ đã tham gia tiêm chủng theo quy định (do trạm y tế xã cung cấp)
15. Đảm bảo an ninh trật tự, an toàn xã hội (3 điểm) (Kiểm tra: Công an thành phố)			
15.1. Giảm các vụ khiếu kiện vượt cấp	1		Báo cáo công tác giải quyết khiếu nại, tố cáo của UBND cấp xã
15.2. Giảm các tệ nạn xã hội (đánh nhau, mê tín, cờ bạc, rượu chè, ma túy, trộm cắp, ...).	2		Báo cáo công tác phòng chống tệ nạn xã hội của UBND cấp xã
Cộng	100		

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ (PHƯỜNG)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: /TTr-UBND

Thành phố, ngày tháng năm 202....

TỜ TRÌNH

**Về việc đề nghị kiểm tra, công nhận kết quả đánh giá, xếp loại
“Cộng đồng học tập” xã (phường)
năm 2023**

Căn cứ Thông tư số 44/2014/TT-BGDĐT, ngày 12/12/2014 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã, phường;

Căn cứ Công văn số 1967-CV/TU ngày 17/7/2019 của Ban Thường vụ Thành ủy Quảng Ngãi về việc triển khai thực hiện Kết luận số 49-KL/TW ngày 10/5/2019 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về công tác khuyến học, khuyến tài, xây dựng xã hội học tập;

Thực hiện Kế hoạch số 199/KH-UBND ngày 31/12/2021 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc thực hiện Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2021-2030” trên địa bàn thành phố Quảng Ngãi và Công văn số 4110/UBND-VX ngày 07/11/2022 của UBND thành phố Quảng Ngãi về việc Hướng dẫn đánh giá, xếp loại Đơn vị học tập năm 2022;

Theo biên bản tự kiểm tra ngày .../12/202... của Đoàn tự kiểm tra, đánh giá, chấm điểm, xếp loại “Cộng đồng học tập” cấp xã,

UBND xã (phường) báo cáo và kính đề nghị UBND thành phố kiểm tra, công nhận kết quả đánh giá, xếp loại “Cộng đồng học tập” của các xã năm 2023. /.

Nơi nhận:

- UBND TP (qua HKH TP);
- Lưu:

CHỦ TỊCH

(Ký tên, đóng dấu)